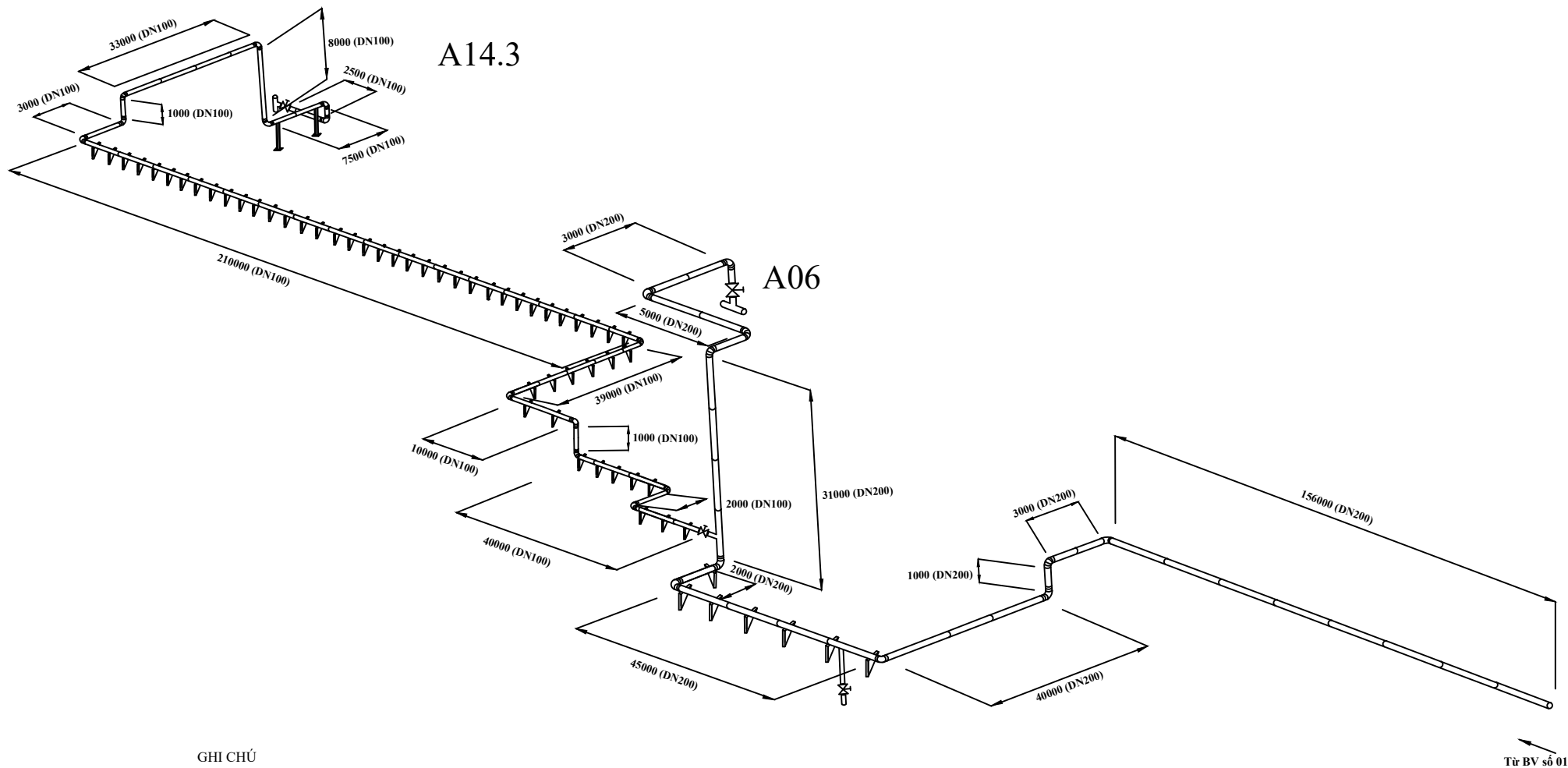




GHI CHÚ

- Kích thước trên bản vẽ đơn vị là mm
- Bản vẽ này xem cùng bản vẽ liên quan

STT	Tên	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thép ống đúc	DN200x6000mm; SCH30; Vật liệu A106 GrB	Mét	287	
2	Thép ống đúc	DN100x6000mm; SCH30; Vật liệu A106 GrB	Mét	357	
3	Cơ thép 90°	DN200; SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	10	
4	Cơ thép 90°	DN100; SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	13	
5	Mặt bích	DN200, BS4504, PN16, PLRF, vật liệu SS400	Cái	2	
6	Mặt bích	DN100, BS4504, PN16, PLRF, vật liệu SS400	Cái	6	
7	Van bướm	DN200; PN16; WCB; D343Y-16C	Cái	1	
8	Van Bướm	DN100; PN16; WCB; D343Y-16C	Cái	3	
9	T đều	DN200 SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	1	
10	T đều	DN100 SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	1	
11	T giảm	DN200x100 SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	2	

Nhiệm vụ	Họ và tên	Ngày	Ký tên	BẢN VẼ TUYỂN ĐƯỜNG ỐNG TỪ A08 VỀ A06, A14.3		
P.GĐ	Trần Tiến Dũng					
Kiểm tra	Phan Văn Thụy					
Người vẽ	Đinh Văn Hai	10.11.2024				
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV				Ký hiệu bản vẽ	Tờ số	Tỉ lệ:
				ĐOTHK-E01	Số: 02/04	